

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/KDTM-PT

Ngày 30-3-2018

V/v tranh chấp hợp đồng đại lý

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tuấn

Ông Lương Ngọc Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2017/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng đại lý.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1173/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 231/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty A; địa chỉ trụ sở: Số 194 N, Phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty A - Công ty Cổ phần tại Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Số 8 phường V, quận N, thành phố Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền số 005233/UQ-PTC ngày 17 tháng 11 năm 2017); có mặt.

- Bị đơn: Công ty S; địa chỉ trụ sở: Thôn T, xã A, huyện AĐ, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức K, Giám đốc Công ty - là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện AĐ, thành phố Hải Phòng là; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đỗ Văn Q, Luật sư Văn phòng Luật sư Đ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty Đ; địa chỉ: Ngã 3 A, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị T, Giám đốc Công ty - là người đại diện theo pháp luật; địa chỉ trụ sở: Ngã 3 A, thị trấn T, huyện A, Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần S, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Tóm tắt nội dung, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Được sự ủy quyền của Tổng Công ty A, ngày 12-12-2011 chi nhánh Tổng Công ty A và Công ty S ký hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 có nội dung chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng cung cấp các mặt hàng xăng không chì, dầu DO, dầu FO cho các cửa hàng bán lẻ trong hệ thống phân phối tại khu vực tiêu thụ của Công ty S. Quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ đơn đặt hàng của Công ty S, chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng đã tiến hành giao hàng, xuất hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho cho từng lô hàng của Công ty S. Tuy nhiên, Công ty S không thanh toán tiền cho chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng như đã thỏa thuận. Ngày 06-3-2013, Công ty S đã chuyển nhượng lại cửa hàng xăng dầu của Công ty S cho Tổng Công ty A tại địa chỉ khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng và giảm trừ được 5.472.663.400 đồng vào nợ gốc cho Tổng Công ty A. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 16-4-2015 thể hiện, đến hết ngày 30-3-2015 Công ty S xác nhận còn nợ Tổng Công ty A tổng số 36.198.820.161 đồng trong đó nợ gốc là 26.371.285.621 đồng và nợ lãi là 9.827.534.540 đồng. Do Công ty S không trả nợ theo đúng thỏa thuận nên Tổng Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty S phải trả cho Tổng Công ty A toàn bộ số nợ trên.

* *Quan điểm của bị đơn:* Xác nhận việc ký kết hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 ngày 12-12-2011 và công nợ như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau: Ngày 01-12-2010, Công ty S ký hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu số 09/ĐL-PTB/2010 với chi nhánh Tổng Công ty A Thái Bình. Sau khi ký hợp đồng, Công ty S đã cung cấp cho chi nhánh Tổng Công ty A Thái Bình 01 Bảo lãnh thanh toán số 31.10.NHQĐ ngày 08-12-2010 với hạn mức 05 tỷ đồng.

Ngày 08-7-2010, Công ty S và Tổng Công ty A chi nhánh Hải Phòng có ký hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2010. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S đã cung cấp cho chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng 01 bảo lãnh thanh toán số 31.10.NHQĐ ngày 26-11-2010 với hạn mức 1,5 tỷ đồng.

Ngày 31-12-2010 Công ty S ký hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2010 với Chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng nhưng đầu năm 2011, do thi công sửa chữa trước cửa hàng xăng dầu của Công ty nên Công ty S không trực tiếp mua xăng dầu của Chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng theo Hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2011 ngày 31-12-2010. Giữa Công ty S và Công ty Đ đã thỏa thuận: Công ty Đ sử dụng tư cách pháp nhân của Công ty S và bảo lãnh thanh toán số 38.10.NHQĐ ngày 08-12-2010 với hạn mức 05 tỷ đồng để Công ty Đ mua bán xăng dầu, đồng thời Công ty S vẫn ký hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu với chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng. Ngoài ra, Công ty S đã làm chứng thư bảo lãnh hạn mức 30 tỷ đồng để Công ty Đ mua bán xăng dầu trả chậm của chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng và Thái Bình. Số xăng dầu mua từ 02 chi nhánh này được Công ty Đ nhận trực tiếp từ kho xăng dầu Tổng Công ty A, Công ty S không được nhận hàng, chỉ nhận hóa đơn giá trị gia tăng kiêm phiếu xuất kho do chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng và Thái Bình xuất ra, tiền bán xăng dầu thu về tài khoản của Công ty S sẽ được bà T (Người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ) chuyển khoản thanh toán cho Chi nhánh Tổng Công ty A Thái Bình và Hải Phòng. Công ty S được hưởng 10đ/lít xăng dầu thông qua chênh lệch giá giữa hóa đơn chi nhánh Tổng Công ty A xuất cho S và hóa đơn S xuất cho Đ.

Sau khi Công ty S ký hợp đồng đại lý xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 ngày 12-12-2011, Giám đốc Công ty Đ là bà Vũ Thị T đã mượn tư cách pháp nhân của Công ty S mua của Chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng 6.921.924 lít xăng dầu các loại trị giá 143.612.491.537 đồng nhưng chỉ trả được 109.248.074.900 đồng, còn nợ 34.363.949.021 đồng.

Cuối tháng 4-2012, Công ty S đã có biên bản đối chiếu công nợ với Công ty Đ nêu rõ số tiền 34.358.487.191 đồng Công ty S còn nợ Chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng (tạm tính đến ngày 25-4-2012) Công ty Đ phải chịu trách nhiệm trả 20.883.572.126 đồng (sau khi trừ đi số tiền ông Khởi mượn của bà T là 883.572.126 đồng, còn lại 20.000.000.000 đồng theo như bản cam kết ngày 01-5-2012). Như vậy, Công ty Đ cũng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của Song Phát tại Tổng Công ty A nên phải có trách nhiệm cùng Công ty S trả nợ cho Tổng Công ty A.

Giữa Công ty S và Công ty Đ có ký hai hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/HĐXD/2011/TD-SP năm 2011 và số 01-SP-TĐ năm 2012. Sau khi thực hiện hai hợp đồng này, hai bên đã đối chiếu công nợ, đến nay Công ty S xác nhận Công ty Đ còn nợ Công ty S số nợ gốc là 14.460.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm liên đới của Công ty Đ đối với khoản nợ của Công ty S tại Tổng Công ty A, yêu cầu Công ty Đ phải trả cho Tổng Công ty A số tiền 14.460.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ của Công ty S tại Tổng Công ty A gồm nợ gốc là: 26.371.285.621 đồng và số nợ lãi tính đến ngày 31-12-2014 là 9.827.534.540 đồng, Công ty S xác nhận số nợ gốc và nợ lãi như trên và đồng ý trả cho Tổng Công ty A số nợ gốc là 26.371.285.621 đồng. Đối với số tiền nợ lãi là 9.827.534.540 đồng, do Công ty S đang gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị Tổng Công ty A miễn nợ lãi cho Công ty S.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn thay đổi quan điểm cho rằng khi Tổng Công ty A và Công ty S ký hợp đồng ông không đọc nên không nắm được nội dung giao kết hợp đồng giữa Công ty S và Tổng Công ty A, việc đối chiếu công nợ giữa các bên cũng do kế toán của Công ty thực hiện, ông chỉ ký mà không đọc nên không xác nhận số nợ mà Tổng Công ty A yêu cầu Công ty S phải trả. Đối với khoản nợ của Công ty Đ tại Công ty S, Công ty S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Và đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm liên đới của Công ty Đ đối với khoản nợ của Công ty S tại Tổng Công ty A.

* *Quan điểm của Công ty Đ:* Công ty Đ độc lập và không mượn tư cách pháp nhân của Công ty S để mua xăng dầu trả chậm của Tổng Công ty A. Công ty Đ xác nhận có mua xăng dầu của Công ty S và có việc Công ty S được hưởng chênh lệch 10đ/lít xăng dầu. Việc mua bán xăng dầu giữa Công ty Đ và Công ty S được hai bên thực hiện và thanh toán trực tiếp, không có liên quan đến Tổng Công ty A. Do Công ty Đ chỉ thực hiện việc mua bán với Công ty S nên chỉ phát sinh công nợ đối với Công ty S. Vì vậy, Công ty Đ không đồng ý phải liên đới trả nợ cho Tổng Công ty A.

* *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu 51/ĐL-PHP/2012 giữa Tổng Công ty A và Công ty S được ký kết do có sự bàn bạc thỏa thuận giữa ông Nguyễn Đức K (Giám đốc Công ty S) và vợ chồng ông Trần Hoài T, bà Vũ Thị T nhằm che giấu một giao dịch khác là thực hiện việc mua bán xăng dầu giữa Tổng Công ty A và Công ty Đ một cách hợp pháp. Thực tế, bản thân Công ty S (người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Đức K) không có nhu cầu ký hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu nên hợp đồng số 51/ĐL-PHP/2012 ký giữa Tổng Công ty A và Công ty S là một giao dịch giả tạo. Vì vậy, đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 ngày 12-12-2011 ký giữa Công ty S và Tổng Công ty A vô hiệu theo Điều 124 Bộ luật dân sự, các bên giao trả cho nhau những gì đã nhận. Công ty S vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án đưa ông Trần Hoài T và bà Vũ Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời triệu tập ông Trần Hoài T, bà Vũ Thị T đến phiên tòa để làm rõ trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ của ông T, bà T và Công ty Đ đối với khoản nợ của Công ty S với Tổng Công ty A. Tại phiên tòa, ông Trần Hoài T và bà Vũ Thị T đều vắng mặt nên để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được khách quan, đề nghị Tòa án

hoãn phiên tòa để triệu tập ông Trần Hoài T và bà Vũ Thị T tham gia tố tụng trong vụ án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty A buộc Công ty S phải trả số nợ gốc còn lại của Hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 ngày 12-12-2011 là 26.371.285.621 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 31-12-2014 là 9.827.534.540 đồng, Công ty S có quan điểm như sau: Việc phát sinh tranh chấp hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 giữa Công ty S và Tổng Công ty A không liên quan đến Công ty Đ. Công ty S không yêu cầu Tòa án giải quyết công nợ giữa Công ty Đ và Công ty S trong vụ án này mà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét làm rõ trách nhiệm liên đới của những người liên quan là ông Trần Hoài T, bà Vũ Thị T. Vì từ kết luận điều tra, bản cáo trạng trong vụ án hình sự đã được giải quyết trước đó đều cho thấy rằng Công ty Đ đã mượn tư cách pháp nhân của Công ty S để thực hiện việc mua bán xăng dầu đối với Tổng Công ty A. Về phía Tổng Công ty A không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ xác nhận nợ giữa Tổng Công ty A và Công ty S mà chỉ trên cơ sở kết luận điều tra, bản cáo trạng... trong vụ án hình sự đã được giải quyết để yêu cầu Công ty S trả nợ là không có căn cứ chấp nhận. Công ty S không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

II. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 28-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 168, 172, 173, 174, 175 Luật Thương mại 2005; căn cứ Điều 5, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty S phải trả cho Tổng Công ty A số tiền là: 36.198.820.161 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

III. Nội dung kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08-9-2017 Công ty S kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 28-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện AD. Lý do kháng cáo của bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm đã không đánh giá và xem xét đầy đủ các chứng cứ trong vụ án, có nhiều sai sót nghiêm trọng trong tố tụng, phán quyết không có cơ sở gây bất lợi cho bị đơn. Đề nghị Tòa phúc thẩm sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng.

IV. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số 36.198.820.161 đồng, trong đó: Nợ gốc là 26.371.285.621 đồng, nợ lãi là 9.827.534.540 đồng.

Bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu

cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm 05/2017/KDTM-ST ngày 28-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện AD vì: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ chồng ông Trần Hoài T và bà Vũ Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ trách nhiệm của họ trong việc liên đới trả nợ cho Tổng Công ty A, không tuyên bố Hợp đồng tiêu thụ xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2011 và số 51/ĐL-PHP/2012 giữa Chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng và Công ty S là giao dịch vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T, Giám đốc Công ty vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và không có ý kiến bổ sung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo:

- Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST của Tòa án nhân dân huyện AD, vì: Hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 ngày 12-12-2011 giữa Tổng Công ty A và Công ty S có hiệu lực theo Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005. Quan hệ hợp đồng mua bán xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 ngày 12-12-2011 giữa Công ty S và Tổng Công ty A không liên quan gì đến cá nhân ông Trần Hoài T và bà Vũ Thị T nên việc đề nghị đưa ông Trần Hoài T và bà Vũ Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ; Công ty Đ mua bán xăng dầu và thực hiện thanh toán trực tiếp với Công ty S theo Hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/HĐXD/2011/TD-SP ngày 01-01-2011 và số 01-SP-TĐ ngày 01-01-2012 không có quan hệ gì với Tổng Công ty A qua hợp đồng 51/ĐL-PHP/2012 nên không có căn cứ để yêu cầu Công ty Đ phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán công nợ cho Tổng Công ty A với Công ty S trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bị đơn, việc giải quyết xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa;

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng đại lý giữa Tổng Công ty A với Công ty S. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện AD xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo:

[2] Về hợp đồng mua bán xăng dầu giữa Tổng Công ty A với Công ty S: Ngày 12-12-2011 giữa Công ty S và chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng có ký hợp đồng mua bán xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 theo đó chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng đồng ý cung cấp các mặt hàng xăng không chì, dầu DO, dầu FO cho các cửa hàng bán lẻ trong hệ thống phân phối tại khu vực tiêu thụ của Công ty S. Quá trình thực hiện hợp đồng số 51/ĐL-PHP/2012, Công ty S đã trực tiếp đặt hàng, nhận hàng vào kho, là chủ thể mua hàng trong các hóa đơn giá trị gia tăng đồng thời ký đối chiếu và chốt biên bản công nợ với chi nhánh Tổng Công ty A Hải Phòng theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn xác nhận có ký Hợp đồng đại lý tiêu thụ xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 ngày 12-12-2011 với Tổng Công ty A Hải Phòng và xác nhận còn nợ PETEC 36.198.820.161 đồng. Theo bị đơn trình bày, thực tế sau khi ký kết Hợp đồng mua bán xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 với Tổng Công ty A, bị đơn đã cho Công ty Đ mượn tư cách pháp nhân và các bảo lãnh thanh toán giả để mua bán xăng dầu trả chậm của Tổng Công ty A Hải Phòng nên cụ thể Công ty Đ mua bán xăng dầu như thế nào bị đơn không biết. Tuy nhiên đối với số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán xăng dầu giữa Công ty S với Tổng Công ty A bị đơn xác nhận là đúng và đồng ý trả nợ gốc, đề nghị nguyên đơn miễn nợ lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn không xác nhận nợ và đưa ra lý do không đọc kỹ văn bản trước khi ký tuy nhiên lý do bị đơn đưa ra là không có căn cứ để chấp nhận vì bị đơn có đầy đủ năng lực dân sự và không bị lừa dối, ép buộc thực hiện các giao dịch liên quan đến quyền và nghĩa vụ của pháp nhân nên phải có trách nhiệm xem xét, kiểm tra kỹ văn bản trước khi ký và đóng dấu. Mặt khác, việc ký kết mua bán xăng dầu giữa Tổng Công ty A Hải Phòng và Công ty S được ký kết bởi những người có thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực buộc các bên thực hiện. Sau khi thực hiện hợp đồng các bên đã đối chiếu và chốt công nợ nên phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bên nhận nợ (Công ty S) với bên chủ nợ (Tổng Công ty A Hải Phòng). Việc Công ty S cho Công ty Đ mượn tư cách pháp nhân là giao dịch giữa Công ty S và Công ty Đ, không có liên quan gì đến hợp đồng mua bán xăng dầu giữa Tổng Công ty A và Công ty S. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không tuyên bố hợp đồng vô hiệu, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn khoản tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về việc đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Trần Hoài T và bà Vũ Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ trách nhiệm liên đới của họ về khoản nợ của Tổng Công ty A. Giữa Công ty S và Công ty Đ có ký hai hợp đồng mua bán xăng dầu số 01/HĐXD/2011/TĐ-SP ngày 01-01-2011 năm 2011 và Hợp đồng số 01-/SP-TĐ ngày 01-01-2012 theo đó Công ty S đồng ý cung cấp cho Công ty Đ các loại xăng dầu. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ về việc mua bán xăng dầu liên quan đến 02 hợp đồng này nhưng bị đơn có cung cấp cho Tòa án Bản cam kết chốt công nợ ngày 01-5-2012 giữa Công ty Đ và Công ty S. Theo bản cam kết chốt công nợ này, bà Vũ Thị T, giám đốc Công ty Đ xác nhận Công ty Đ còn nợ Công ty S 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng chẵn) tiền mua bán xăng dầu và cam kết thanh toán số tiền trên theo lộ trình mỗi tháng thanh toán ít nhất 2 đến 3 tỷ đồng. Quá trình xét xử tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn không có yêu cầu độc lập hay phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Tòa án gửi thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 01-8-2016, ngày 15-8-2016, ngày 28/3/2017, ngày 10-4-2017 song các phiên họp trên đều không tiến hành được vì bị đơn vắng mặt. Ngày 19-4-2017 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp, bị đơn có mặt và xác nhận Công ty S còn nợ Tổng Công ty A Hải Phòng tổng số 36.198.820.161 đồng và yêu cầu Công ty Đ liên đới trả nợ cho Tổng Công ty A Hải Phòng. Tại phiên hòa giải ngày 25-4-2017, bị đơn xác nhận còn nợ Tổng Công ty A Hải Phòng số tiền nợ như trên đồng ý trả nợ gốc đề nghị Tổng Công ty A miễn lãi đồng thời đề nghị Tòa án buộc Công ty Đ hoàn trả cho Công ty S số tiền nợ gốc là 15.960.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh trên số nợ gốc trên. Ngày 03-5-2017, Công ty S nộp bản tự khai đề nghị Tòa án xác nhận và xem xét, giải quyết tính đến ngày 30-4-2017 Công ty Đ còn nợ Công ty S tổng số 21.827.632.945 đồng trong đó nợ gốc là 14.460.000.000 đồng, nợ lãi là 7.367.632.945 đồng, bị đơn không gửi kèm theo bản tự khai chứng cứ, tài liệu gì bổ sung. Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền yêu cầu phản tố của bị đơn *“Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.”*; Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định về thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập như sau *“Thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn”* đồng thời bị đơn cũng chưa *“cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ”*. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết công nợ giữa Công ty S với Công ty Đ và vợ chồng Trần Hoài T mà chỉ yêu cầu Tòa án triệu tập vợ chồng Trần Hoài T để làm rõ trách nhiệm liên đới của họ đối với khoản nợ của Tổng Công ty A liên quan đến đồng mua bán xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012. Tuy nhiên, việc mua bán xăng dầu giữa Tổng Công ty A và Công ty S không có liên

quan đến Công ty Đ, trong vụ án này nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán công nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán xăng dầu số 51/ĐL-PHP/2012 đã ký kết, thực hiện với Công ty S do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn đưa vợ chồng Trần Hoài T vào tham gia tố tụng theo yêu cầu của bị đơn là có căn cứ.

[4] Về việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Đ: Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, Công ty Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt họ nên Tòa sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty S; giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Về án phí:

[6] Án phí sơ thẩm: Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với khoản tiền nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Án phí phúc thẩm: Do bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm giữ nguyên nên bị đơn là Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, điểm b khoản 3 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 121, 122, 290, 305, 320, 342, 343, 346, 348, 351, 389, 438, 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty S.

1. Buộc Công ty S phải trả cho Tổng Công ty A là 36.198.820.161 đồng, trong đó nợ gốc là 26.371.285.621 đồng và nợ lãi là 9.827.534.540 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng thương mại (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương, Ngân

hàng TMCP Ngoại thương) tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo Án lệ số 09/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao.

2. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm: Công ty S phải nộp 144.198.820 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sơ thẩm. Trả lại cho Tổng Công ty A số tiền 71.099.410 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện AĐ theo biên lai thu tiền số 008140 ngày 20 -11-2015.

- Án phí phúc thẩm: Công ty S phải chịu 2.000.000 (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Công ty S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0007329 ngày 11-10-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện AĐ, thành phố Hải Phòng. Công ty S còn phải nộp 1.700.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện AĐ;
- TAND quận huyện AĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án, TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương